

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-12-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Hội thẩm nhân dân: Ông Tân Nghị

Bà Lê Thị Hoàng Thương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Ngọc Đ**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tp Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Xã H, huyện H, tp Đà Nẵng

(*nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần 2*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng vào tháng 9 năm 2019, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 107, ngày 11 tháng 9 năm 2019. Sau khi kết hôn, ông và bà T sống tại xã H, huyện H, tp Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 22 tháng 02 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hai vợ chồng không sống chung với nhau từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 đến nay, phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

- Về quan hệ con chung: Ông Đ xác nhận trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T có 01 con chung tên Trần Ngọc Huy H, sinh ngày 17/5/2020. Ly hôn, ông Đ có nguyện vọng giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác nhận không có.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa ông Trần Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Kim T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa, tuy nhiên bị đơn Nguyễn Thị Kim T vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 9 năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 107, ngày 11 tháng 9 năm 2019.

Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống do có mâu thuẫn không tự giải quyết được nên ông Đ làm đơn xin ly hôn với bà T.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm để ông Trần Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Kim T hòa giải tìm tiếng nói chung, cùng nhau đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà T không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia hòa giải, điều này cho thấy bà T không có thiện chí xây dựng gia đình hạnh phúc, bản thân bà T không muốn níu kéo hạnh phúc giữa bà và ông Đ. Hơn nữa, theo biên bản xác minh ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H được UBND xã H xác nhận thì bà T và ông Đ hiện nay không sống chung với nhau, bà T và cháu H đang sống tại nhà mẹ đẻ của bà T, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà T là trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, xử cho ông Đ được ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Đ xác nhận trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T có 01 con chung tên Trần Ngọc Huy H, sinh ngày 17/5/2020. Ly hôn, ông Đ có nguyện vọng giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu H mới hơn 12 tháng tuổi và đang được bà T chăm sóc nuôi dưỡng, hơn nữa bản thân ông Đ tự nguyện giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của ông Đ, xử giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, từ khi ông Đ và bà T không sống chung với nhau từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 đến nay thì cháu H được bà T chăm sóc nuôi dưỡng, bản thân ông Đ không có hỗ trợ tiền bạc cho bà T nuôi dưỡng cháu H. Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên vấn đề cấp dưỡng hàng tháng để nuôi cháu H không có cơ sở để cập xem xét tại bản án này.

Các bên đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Ngọc Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần Ngọc Đ phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04025 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Ngọc Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Ngọc Huy H, sinh ngày 17/ 5/ 2020 cho bà Nguyễn Thị Kim T nuôi dưỡng, ông Trần Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần Ngọc Đ phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04025 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Trần Ngọc Đ đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Thọ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA